

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 210 /TTTT-PTDL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2024

V/v khảo sát hoạt động khoa học, công nghệ và
đổi mới sáng tạo tại các Trường Đại học, Cao
đẳng và Tổ chức KH&CN trên địa bàn TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ THƯỜNG KIỆT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 512
ĐẾN: ...
Ngày: 27/9/2024
Chuyển: ...
Lưu hồ sơ số: ...

Kính gửi:

Kg - POLICHT DT

- Ban Lãnh đạo các Trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn TP.HCM;
- Ban Lãnh đạo các Tổ chức KH&CN trên địa bàn TP.HCM.

Căn cứ Quyết định số 672/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án Hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025.

Nhằm phục vụ công tác xây dựng Báo cáo thường niên năm 2024 của Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM, Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN TP.HCM phối hợp với Viện Nghiên cứu và Tư vấn phát triển Vùng tổ chức khảo sát về hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và tiềm lực KH&CN của các Trường Đại học, Cao đẳng và Tổ chức KH&CN trên địa bàn TP.HCM.

Ý kiến của Quý đơn vị là cơ sở quan trọng trong việc phân tích, tổng hợp và đánh giá thực trạng hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của các Trường, Viện tại Thành phố. Từ đó, Viện Nghiên cứu và Tư vấn phát triển vùng sẽ đưa ra các kiến nghị chính sách và giải pháp có liên quan nhằm hỗ trợ Quý đơn vị trong thời gian tới.

Xin đính kèm phiếu thu thập thông tin và hướng dẫn liên quan đến khảo sát. Các nội dung này cũng được đăng tải trong chuyên mục “Điều tra thống kê” trên website: <https://thongke.cesti.gov.vn/thu-thap-bctn-khcn>.

Trong quá trình khảo sát, nếu Quý đơn vị có thắc mắc, vui lòng liên hệ:

Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ TP.HCM

- Địa chỉ: 79 Trương Định, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM
- Điện thoại: 028-38297040 (ext: 222), 0938374973 (Duy Sang)
- Email: thongke@cesti.gov.vn hoặc duysang@cesti.gov.vn.

Rất mong Quý đơn vị phối hợp, hỗ trợ cung cấp thông tin cho khảo sát này. //

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, PTDL, S.

Đính kèm:

- Phiếu thu thập thông tin báo cáo thường niên về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM
THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ
KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ

Nguyễn Đức Tuấn

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO NĂM 2024

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐƠN VỊ

- 1.1. Tên đơn vị:.....
- 1.2. Địa chỉ:.....
- 1.3. Điện thoại:.....
- 1.4. Email:.....

2. Thông tin về thủ trưởng đơn vị (Đánh dấu X vào 1 mục phù hợp đối với học hàm/ học vị)

- 2.1. Họ và tên thủ trưởng:
- 2.2. Học vị: ☐ Tiến sĩ ☐ Thạc sĩ ☐ Đại học ☐ Khác 2.3. Học hàm: ☐ Giáo sư ☐ Phó giáo sư
- 2.4. Điện thoại:.....

3. Loại hình tổ chức (Đánh dấu X vào 1 mục phù hợp nhất)

- ☐ 1. Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ☐ 2. Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng
- ☐ 3. Tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ ☐ 4. Cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp khác

4. Tổ chức quản lý trực tiếp

5. Lĩnh vực hoạt động KH&CN chủ yếu của đơn vị (Chỉ chọn 1 lĩnh vực hoạt động chiếm tỷ trọng lớn nhất của đơn vị)

- ☐ 1. Khoa học tự nhiên ☐ 4. Khoa học nông nghiệp
- ☐ 2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ ☐ 5. Khoa học xã hội và nhân văn
- ☐ 3. Khoa học y, dược

PHẦN II: THÔNG TIN VỀ NHÂN LỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

(Số liệu tại thời điểm 31/12/2023)

6. Tổng số nhân lực của đơn vị

(Đơn vị tính: người)

	Mã số	TỔNG SỐ
A	B	1
TỔNG SỐ		
Trong đó:	01	
- Số nhân lực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Bao gồm:	02	
+ Cán bộ nghiên cứu	021	
+ Nhân viên kỹ thuật (gồm kỹ thuật viên, nhân viên phòng thí nghiệm)	022	
+ Nhân viên hỗ trợ (là các nhân viên hành chính và văn phòng)	023	

7. Nhân lực có trình độ từ cao đẳng trở lên của đơn vị chia theo trình độ chuyên môn, chức danh

(Đơn vị tính: người)

Cán bộ nghiên cứu	Mã số	Số lượng	Trong đó: Nữ
1. Chia theo trình độ (01=02+03+04+05)	01		
1.1 Tiến sĩ	02		
1.2 Thạc sĩ	03		
1.3 Đại học	04		
1.4 Cao đẳng	05		
2. Chức danh (06=07+08)	06		
2.1 Giáo sư	07		
2.2 Phó giáo sư	08		

PHẦN III: HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NĂM 2023

8. Hoạt động NC&PT (Chỉ tính số nhiệm vụ KH&CN do đơn vị chủ trì thực hiện)

Nhiệm vụ KH&CN do đơn vị chủ trì	Mã số	Tổng số nhiệm vụ thực hiện trong năm	Trong đó: số nhiệm vụ từ nguồn ngân sách	Chia ra:		Trong đó: Số nhiệm vụ được nghiệm thu trong năm	Trong đó: Số nhiệm vụ được ứng dụng (giai đoạn 2022-2023)
				Số chuyển tiếp từ năm trước	Số được phê duyệt mới trong năm		
A	B	1 = 3 + 4	2	3	4	5	6
TỔNG SỐ NHIỆM VỤ (01=02+...+06) Chia theo cấp quản lý	01						
- Cấp quốc gia	02						
- Cấp bộ	03						
- Cấp tỉnh	04						
- Cấp cơ sở	05						
- Khác	06						

9. Kết quả/sản phẩm của hoạt động NC&PT và sở hữu trí tuệ

Loại sản phẩm	Đơn vị	Tổng số
1. Số công nghệ mới/cải tiến đã được tạo ra/nâng cấp trong năm	Công nghệ	
- Trong đó: Số công nghệ mới/cải tiến đã được chuyển giao vào sản xuất	Công nghệ	
2. Doanh thu từ các hợp đồng chuyển giao công nghệ/kết quả nghiên cứu	Triệu đồng	
3. Số đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích	Đơn	
4. Số văn bằng bảo hộ được cấp (bao gồm bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp, cây trồng)	Văn bằng	
5. Số sáng kiến được công nhận	Sáng kiến	
6. Số sản phẩm, công nghệ đã được ứng dụng trong thực tiễn	Sản phẩm/công nghệ	
7. Giá trị chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp của đơn vị cho bên khác trong năm	Triệu đồng	
8. Số bài báo khoa học được công bố (trong nước và quốc tế)	Bài báo	
9. Số tiến sĩ được đào tạo trong năm thông qua các nhiệm vụ NC&PT	Người	
10. Số thạc sĩ được đào tạo trong năm thông qua các nhiệm vụ NC&PT	Người	

PHẦN IV: THÔNG TIN VỀ NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH NĂM 2023

10. Tổng thu của đơn vị (Lưu ý: Không ghi số liệu ở những ô có dấu X)

(Đơn vị tính: triệu đồng)

	Mã số	Tổng số	Chia theo		
			Nguồn sự nghiệp KH&CN	Nguồn đầu tư phát triển	Nguồn khác
A	B	1=2+3+4	2	3	4
1. Từ nguồn ngân sách nhà nước	01				
1.1. Từ ngân sách trung ương	02				
1.2. Từ ngân sách địa phương	03				
2. Từ phí, học phí và các dịch vụ khác	04				
3. Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước	05		X		
3.1. Thu từ hoạt động KH&CN, chuyển giao công nghệ	06		X		
3.2. Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ	07		X		
4. Từ viện trợ, ODA, nguồn hợp pháp khác	08		X		
5. TỔNG THU (09=01+04+05+08)	09				

11. Tổng chi của đơn vị (Đơn vị tính: triệu đồng)

	Mã số	Tổng số
A	B	1
1. Chi cho KH&CN (gồm có chi đầu tư phát triển và chi sự nghiệp KH&CN)	01	
2. Chi khác (gồm chi hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ...)	02	
3. TỔNG CHI (03=01+02)	03	

12. Chi cho KH&CN chia theo nguồn cấp kinh phí (Mục tổng chi của bảng 12 bằng mục 1. Chi cho KH&CN của bảng 11)

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Nguồn cấp kinh phí	Mã số	Tổng số
A	B	1
1. Từ nguồn ngân sách nhà nước (01=02+03)	01	
1.1. Ngân sách trung ương	02	
1.2. Ngân sách địa phương	03	
2. Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước (04=05+06+07)	04	
2.1. Doanh nghiệp	05	
2.2. Trường Đại học, đơn vị sự nghiệp khác	06	
2.3. Nguồn ngoài NSNN khác	07	
3. Nước ngoài	08	
TỔNG CHI CHO KH&CN (09=01+04+08)	09	

13. Chi cho KH&CN theo loại chi (nếu có) (Mục tổng chi của bảng 13 bằng mục 1. Chi cho KH&CN của bảng 11)

(Đơn vị tính: triệu đồng)

	Mã số	Tổng số	Chia theo	
			Từ nguồn KH&CN	Nguồn khác
A	B	1=2+3	2	3
1. Chi đầu tư phát triển	01			
2. Chi sự nghiệp KH&CN	02			
2.1. Chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	03			
2.2. Chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN	04			
- Cấp Quốc gia	05			
- Cấp Bộ	06			
- Cấp Tỉnh/Thành phố	07			
- Cấp cơ sở	08			
- Nhiệm vụ KH&CN khác	09			
2.3. Chi sự nghiệp KH&CN khác	10			
3. Chi khác	11			
TỔNG CHI CHO KH&CN (12=01+02+11)	12			

Người trả lời phiếu:

Điều tra viên:

TP.HCM, ngày..... tháng..... năm 2024

Họ và tên:.....

Họ và tên:.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Điện thoại:.....

Điện thoại:.....

Ký tên:.....

Ký tên:.....